TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN KIẾN AN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/DS-ST
Ngày 14-9-2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN KIẾN AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Chính

Ông Vũ Văn Lẫy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2022/QĐXX-ST ngày 24 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (sau đây viết tắt là B); địa chỉ trụ sở chính theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần *(Đăng ký thay đổi lần thứ: 27, ngày 01 tháng 3 năm 2022)*: Tháp B, số 194 phố T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1. Ông Bùi Thọ N - Phó Giám đốc B - Chi nhánh Hải Phòng.

2. Bà Trần Thị Tuyết N – Trưởng Phòng Khách hàng cá nhân, B - Chi nhánh Hải Phòng.

3. Bà Nguyễn Thu H – Phó Trưởng Phòng Quản lý rủi ro, B - Chi nhánh Hải Phòng.

Là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 339/QĐ-BIDV. HP ngày 16 tháng 02 năm 2022); ông N vắng mặt; bà N và bà H có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Trần Ngọc C và bà Phạm Thị N; cùng địa chỉ: Tổ T 4, phường Q, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1979; cư trú tại: Tổ T 3, phường Q, quận K, thành phố Hải Phòng, là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Văn bản ủy quyền ngày 08 tháng 12 năm 2021); có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn T (sau đây viết tắt là Công ty T); địa chỉ: Số 732 đường T, tổ T 3, phường Q, quận K, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1979; cư trú tại: Tổ T 3, phường Q, quận K, thành phố Hải Phòng – Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 9 năm 2021 và trong quá trình giải quyết xét xử vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 09/05/2016, ông Trần Ngọc C và bà Phạm Thị N có ký Hợp đồng tín dụng số 193/2016/HĐTD với B Hải Phòng để vay tiền mua ô tô, cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 640.000.000 đồng
- Thời hạn vay: 84 tháng kể từ ngày Bên vay rút khoản vốn đầu tiên (Từ ngày 18/5/2016 đến ngày 18/5/2023);
- Mục đích vay: Vay tiêu dùng mua xe ô tô Toyota Corolla màu đen, 05 chỗ, mới 100%, lắp ráp tại Việt nam năm 2016

- Lãi suất cho vay trong hạn: Áp dụng lãi suất cho vay thỏa thuận, thả nổi điều chỉnh 06 tháng/lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Áp dụng lãi suất vay ưu đãi trong 24 tháng đầu là 10%/năm. Sau thời gian áp dụng lãi suất ưu đãi trên, áp dụng lãi suất cho vay theo quy định của B trong từng thời kỳ.

- Lãi suất nợ quá hạn: Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn *(lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có)* theo Hợp đồng tín dụng.

Khoản vay trên của ông Trần Ngọc C và bà Phạm Thị N được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ khoản vay là: Xe ôtô Toyota Corolla màu đen, 05 chỗ lắp ráp tại Việt Nam năm 2016, Biển số: 15A-248.22, Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 031174 ngày 11/05/2016 mang tên Phạm Thị N (Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 194/2016/HĐTC ngày 18/5/2016 giữa ông Trần Ngọc C và bà Phạm Thị N với BIDV Hải Phòng). Hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên đã thực hiện công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng, kể từ thời điểm nhận nợ vay đến nay, ông Trần Ngọc C và bà Phạm Thị N đã thực hiện trả nợ vay Ngân hàng số tiền cụ thể như sau:

- Số tiền gốc đã trả: 283.570.000 đồng
- Số tiền lãi đã trả: 255.193.773 đồng

Ngày 25/6/2019, bà Phạm Thị N có Đơn gửi B Hải Phòng cho biết từ tháng 8 năm 2017 bà N và ông C đã tự ý cho Công ty T thuê chiếc xe trên theo Hợp đồng cho thuê ô tô ngày 05/8/2017. Sau đó, Công ty T cho ông Lưu Đình N1 thuê lại chiếc xe này. Song khi đến hạn, ông N1 đã không bàn giao lại xe cho Công ty T nên bà N đề nghị B Hải Phòng phối hợp truy tìm tài sản thế chấp là xe ô tô Toyota Corolla –BKS 15A-248.22. Sau đó, B Hải phòng đã có Công văn gửi Công an quận K và Công an thành phố Hải phòng đề nghị phối hợp thu hồi tài sản thế chấp tại Ngân hàng. Công an quận K đã có Công văn số 342/CV-KA ngày 08/08/2019 trả lời Ngân hàng về việc vẫn chưa xác định được vị trí của xe ô tô nói trên và đã có thông báo truy tìm chiếc xe. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại Ngân hàng vẫn chưa nhận được thông tin gì về tài sản thế chấp.

Từ kỳ trả nợ ngày 22/7/2019, ông Trần Ngọc C và bà Phạm Thị N đã không thực hiện trả nợ cho B theo đúng thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng. Vì vậy, khoản vay trên đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 22/7/2019. Ngân hàng gửi đầy đủ thông báo nhắc nợ đến hạn cũng như thông báo nợ quá hạn tới khách hàng. Cụ thể: Thông báo ngày 16/7/2019 "V/v thanh toán nợ vay đến hạn", Thông báo ngày 23/7/2019 "V/v thanh toán nợ vay quá hạn", Thông báo "V/v trả nợ vay quá hạn". Ngày 21/8/2020, khách hàng đã có biên bản làm việc với Ngân hàng cam kết sẽ tập trung mọi nguồn thu để trả nợ toàn bộ phần nợ gốc cho Ngân hàng chậm nhất đến ngày 31/12/2020 và đề nghị Ngân hàng xem miễn giảm toàn bộ lãi, phí phạt. Tuy nhiên, đến thời điểm 31/12/2020, khách hàng cũng không thực hiện trả nợ theo cam kết. Vì vậy, B đã khởi kiện ông Trần Ngọc C và bà Phạm Thị N ra Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

Tổng dư nợ còn phải trả của ông Trần Ngọc C và bà Phạm Thị N tính đến ngày 14/9/2022 là: 521.706.595 đồng, gồm:

+ Dư nợ gốc: 356.430.000 đồng

+ Nợ lãi trong hạn: 121.644.126 đồng

+ Nợ lãi quá hạn: 24.001.139 đồng

+ Phạt chậm trả lãi: 19.631.330 đồng

BIDV yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc ông Trần Ngọc C và bà Phạm Thị N phải thanh toán ngay cho BIDV các khoản sau:

- Dư nợ gốc là: 356.430.000 đồng.

- Toàn bộ nợ lãi (bao gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn, phạt chậm trả lãi) tạm tính đến ngày 14/9/2022 là: 165.276.595 đồng.

- Toàn bộ nợ lãi (bao gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn) phát sinh kể từ ngày 15/9/2022 đến thời điểm tất toán toàn bộ nghĩa vụ trả nợ.

2. Trường hợp ông Trần Ngọc C và bà Phạm Thị N không trả được nợ, BIDV có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại và xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng bảo đảm tiền vay đã ký với Ngân hàng, cụ thể là Xe ôtô Toyota Corolla màu đen, 05 chỗ lắp ráp tại Việt Nam năm 2016, Biển số: 15A-248.22 theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 031174 ngày 11/05/2016. Trường hợp bên thế chấp làm mất tài sản thế chấp yêu cầu Tòa án tuyên Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý phát mại các tài sản khác của ông C và bà N để thu nợ (theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 7 của Hợp đồng thế chấp).

3. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho B, thì ông Trần Ngọc C và bà Phạm Thị N phải tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu cho Ngân hàng.

4. Yêu cầu Công ty T chịu trách nhiệm liên đới trong trường hợp không tìm thấy tài sản thế chấp, cụ thể: Công ty có trách nhiệm giao trả cho chị Phạm Thị N xe ô tô Toyota - Biển số: 15A-248.22, bởi Hợp đồng thuê xe giữa chị Phạm Thị N và Công ty T Minh Hải Phòng là vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật (theo Điều 122, 123 Bộ luật dân sự 2015), cụ thể: vi phạm quy định tại khoản 6 điều 321 Bộ luật dân sự 2015 và điểm g khoản 2 điều 7 Hợp đồng thế chấp đã ký giữa bà N và Ngân hàng: *Bên thế chấp không được cho mượn, cho thuê tài sản thế chấp thì khi chưa được sự đồng ý bằng văn bản của Bên nhận thế chấp*. Trường hợp không thể hoàn trả được bằng hiện vật thì trị giá thành tiền (700.000.000 đồng) để hoàn trả (theo điều 131 Bộ luật dân sự 2015 Hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu).

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 16 tháng 12 năm 2021, bản tự khai đề ngày 20 tháng 12 năm 2021 và trong quá trình giải quyết xét xử vụ án, bị đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

Bị đơn xác nhận ngày 09/05/2016, bị đơn có ký Hợp đồng tín dụng số 193/2016/HĐTD với B Hải Phòng để vay tiền mua ô tô, cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 640.000.000 đồng

- Thời hạn vay: 84 tháng kể từ ngày Bên vay rút khoản vốn đầu tiên (Từ ngày 18/5/2016 đến ngày 18/5/2023);

- Mục đích vay: Vay tiêu dùng mua xe ô tô Toyota Corolla màu đen, 05 chỗ, mới 100%, lắp ráp tại Việt nam năm 2016

- Lãi suất cho vay trong hạn: Áp dụng lãi suất cho vay thỏa thuận, thả nổi điều chỉnh 06 tháng/lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Áp dụng lãi suất vay ưu đãi trong 24 tháng đầu là 10%/năm. Sau thời gian áp dụng lãi suất ưu đãi trên, áp

dụng lãi suất cho vay theo quy định của B trong từng thời kỳ.

- Lãi suất nợ quá hạn: Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn *(lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có)* theo Hợp đồng tín dụng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên bị đơn đã dùng tài sản hình thành từ khoản vay là: Xe ôtô Toyota Corolla màu đen, 05 chỗ lắp ráp tại Việt Nam năm 2016, Biển số: 15A-248.22 theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 031174 ngày 11/05/2016 - Chủ sở hữu: Phạm Thị N thể chấp cho B (Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 194/2016/HĐTC ngày 18/5/2016). Hợp đồng thế chấp tài sản này đã thực hiện công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ:

+ Không trả nợ gốc và lãi vay đầy đủ, đúng hạn theo lịch đã ký kết.

+ Không thực hiện đúng các cam kết với Ngân hàng trong việc đề xuất các phương án trả nợ khả thi.

Vì vậy, khoản vay của bị đơn đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 22/7/2019. Bị đơn đã được nhận Thông báo ngày 16/7/2019 "V/v thanh toán nợ vay đến hạn", Thông báo ngày 23/7/2019 "V/v thanh toán nợ vay quá hạn", Thông báo "V/v trả nợ vay quá hạn" của B. Nhưng do kinh tế khó khăn, tài sản thế chấp bị đơn tự ý mang cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tuấn Minh Hải Phòng thuê để lấy tiền trả cho BIDV bị người ta chiếm đoạt nên không có tiền trả cho B. Hiện bị đơn không rõ tài sản này ở đâu để bàn giao cho B xử lý thu hồi nợ.

Bị đơn xác nhận tính đến ngày 14/9/2022 bị đơn còn nợ của nguyên đơn tổng số tiền là: 521.706.595 đồng, gồm:

+ Dư nợ gốc: 356.430.000 đồng

+ Nợ lãi trong hạn: 121.644.126 đồng

+ Nợ lãi quá hạn: 24.001.139 đồng

+ Phạt chậm trả lãi: 19.631.330 đồng

Nay do khó khăn nên bị đơn xin miễn giảm toàn bộ tiền lãi và tiền phạt và chỉ phải trả tiền nợ gốc theo phương án, mỗi tháng sẽ trả cho B số tiền ít nhất là từ 1.000.000 đồng trở lên. Trường hợp bị đơn không trả được nợ thì đồng ý phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho B khi tìm thấy tài sản thế chấp. Ngoài chiếc xe ô tô nói trên bị đơn không có tài sản nào khác để bổ sung, thay thế tài sản bảo đảm.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thị T trình bày:

Chị Phạm Thị N là em ruột của chồng bà. Năm 2016, vợ chồng chị N có mua trả góp chiếc Xe ôtô Toyota Corolla màu đen, 05 chỗ, Biển số: 15A-248.22,

thế chấp bằng chính chiếc xe đó tại B Chi nhánh Hải Phòng với mục đích phục vụ cho việc đi lại. Sau đó, do công việc làm ăn không được thuận lợi nên bà đã động viên họ gửi chiếc xe này vào Công ty T do bà làm Giám đốc để cho thuê xe ô tô tự lái vào năm 2017. Công việc cho thuê xe thuận lợi nên vẫn có tiền trả nợ cho Ngân hàng đầy đủ theo đúng cam kết trong hợp đồng tín dụng. Đến ngày 05/12/2018, Công ty T có cho khách hàng tên Lưu Đình N1, đăng ký hộ khẩu thường trú ở tổ V 1, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng thuê chiếc xe này, sau đó anh N1 đã đem xe đi cầm cố và bỏ trốn khỏi địa phương. Công ty T đã gửi đơn đến Công an quận K trình báo. Ngày 22/6/2019, Công an quận K đã gửi cho bà Thông báo kết quả xác minh đơn trình báo số 34 như sau: Anh Lưu Đình N1 hiện không có mặt tại địa phương nơi cư trú, xe ô tô Toyota Corolla Atlis màu đen mang BKS:15A-248.22 hiện chưa có bất cứ thông tin nào. Công an quận K tạm đình chỉ việc giải quyết đối với đơn trình báo của bà, khi có đủ căn cứ sẽ phục hồi theo quy định của pháp luật. Hiện nay Công ty T vẫn chưa có thông tin gì về tài sản thế chấp. Công ty T không đồng ý chịu trách nhiệm liên đới trong việc vay nợ của vợ chồng chị N với B, vì giữa Công ty T và B không bị ràng buộc với nhau bởi quan hệ hợp đồng nào. Hiện Công ty T vẫn đang thuê người tìm kiếm chiếc xe trên; trường hợp tìm thấy Công ty sẽ bàn giao ngay tài sản thế chấp này cho B để xử lý thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Theo Công văn số 110/CV-HS ngày 22/4/2022 của Công an quận K: Ngày 22/4/2019, chị Hoàng Thị T là Giám đốc Công ty T đến Công an quận K trình báo về việc ngày 05/12/2018 Công ty T có ký hợp đồng cho anh Lưu Đình N1, đăng ký hộ khẩu thường trú ở tổ V 1, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng thuê 01 xe ô tô Toyota Corolla Atlis màu đen, 05 chỗ, Biển số: 15A-248.22 với thời hạn 01 tháng từ ngày 05/12/2018 đến 04/01/2019. Tuy nhiên hết thời hạn hợp đồng anh N1 vẫn chưa trao trả chiếc xe ô tô trên. Công ty T không liên lạc được với anh N1, không rõ anh N1 đi đâu là gì. Công an quận K đã tiến hành xác minh đối với anh Lưu Đình N1, nhưng anh N1 không có mặt tại địa phương, đi đâu làm gì gia đình không biết. Xe ô tô Toyota Corolla Atlis màu đen, 05 chỗ, Biển số: 15A-248.22 hiện vẫn không xác định được vị trí ở đâu. Công an quận K đã tạm dừng xác minh đối với đơn trình báo của chị T.

Theo biên bản xác minh tại Công an phường Tràng Minh: Anh Lưu Đình N1 có đăng ký hộ khẩu thường trú ở tổ V 1, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng. Tuy nhiên, anh N1 không còn sinh sống tại địa phương, hiện anh N1 đi đâu, làm gì Công an phường không rõ.

Theo Công văn số 63/TTĐK ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới Hải Phòng: Phương tiện xe ô tô BKS: 15A-248.22 kiểm định ngày gần nhất tại Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới Hải Phòng ngày 07/02/2018, chu kỳ kiểm định 18 tháng, ngày hết hạn là 06/08/2019.

Theo Công văn số 1602/CSGT-QLX ngày 23/8/2022 của Phòng Cảnh sát Giao thông Đường bộ - Đường sắt Công an thành phố Hải Phòng: Xe ô tô BKS:

15A-248.22 mang tên chủ xe là Phạm Thị N (địa chỉ: Tổ T 4, Q, K, Hải Phòng), hiện chưa sang tên cho tổ chức, cá nhân nào khác. Do chưa có cơ sở dữ liệu đầy đủ về xử lý vi phạm trong lĩnh vực trật tự an toàn giao thông tại địa phương và toàn quốc nên Phòng Cảnh sát Giao thông Đường bộ - Đường sắt Công an thành phố Hải Phòng không thể thông tin việc phương tiện có vi phạm pháp luật hay không.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của họ theo quy định tại các điều 70, 71, 72 và 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các điều: 275, 280, 292, 293, 295, 299 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 98 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 1 Thông tư số 12 ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Đề nghị buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền tính đến ngày 14/9/2022 là: 521.706.595 đồng và bị đơn phải tiếp tục trả các khoản lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong khoản nợ đã vay theo lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng. Trường hợp bị đơn không trả được khoản nợ trên, ngân hàng BIDV có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Đối với yêu cầu bổ sung của ngân hàng tại phiên tòa yêu cầu Công ty T phải trả lại xe ô tô BKS: 15A-248.22 cho ngân hàng, nếu không trả lại xe thì Công ty T phải bồi thường cho ngân hàng số tiền 700.000.000 đồng. Xét thấy yêu cầu này của ngân hàng vượt quá phạm vi khởi kiện nên không xem xét trong vụ án.

Về án phí: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa tổ chức với cá nhân, không có mục đích lợi nhuận (mua xe để phục vụ cho việc đi lại) nên là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Trần Ngọc C và bà Phạm Thị N; cùng cư trú tại địa chỉ: Tổ T4, phường Q, quận K, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt, nhưng có người đại diện tham gia phiên tòa nên căn cứ khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn là phải thanh toán số tiền gốc và tiền lãi (tính đến ngày xét xử sơ thẩm – ngày 14/9/2022)

là 521.706.595 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 15/9/2022 đến ngày bị đơn trả hết nợ, Hội đồng xét xử đánh giá như sau: Hợp đồng tín dụng số 193/2016/HĐTD ngày 09/05/2016 giữa B Hải Phòng với bị đơn là ông Trần Ngọc C và bà Phạm Thị N được ký kết trên cơ sở tự nguyện, nội dung hợp đồng không trái đạo đức xã hội; thỏa thuận của các bên về số tiền vay, thời hạn, mục đích, lãi suất vay, lãi chậm trả lãi, phương thức trả nợ… đều phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm ký kết hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn có quyền thu hồi nợ trước hạn là phù hợp với thỏa thuận của các bên được quy định tại Điều 8 của Hợp đồng tín dụng số 193/2016/HĐTD ngày 09/05/2016 và khoản 4 Điều 9 Điều khoản và điều kiện vay. Người đại diện hợp pháp của bị đơn cũng xác nhận tính đến ngày 14/9/2022, bị đơn còn nợ của nguyên đơn số tiền là 521.706.595 đồng nên đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của BIDV về việc buộc bị đơn phải thanh toán cho BIDV số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm – ngày 14/9/2029 là 521.706.595 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 193/2016/HĐTD ngày 09/05/2016 kể từ ngày 15/9/2022 cho đến khi bị đơn trả hết nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp bị đơn không thanh toán được khoản nợ cho B, Hội đồng xét xử đánh giá như sau: Xét Hợp đồng thế chấp tài sản số 194/2016/HĐTC ngày 18/5/2016 giữa ông Trần Ngọc C và bà Phạm Thị N với Ngân hàng được ký kết trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối; nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật, được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án vào các ngày 18/5/2016, số đơn đăng ký: 1212898238 nên phát sinh hiệu lực. Khi thế chấp, các bên đều thừa nhận, tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bị đơn, không có tranh chấp với ai; trình tự thủ tục thế chấp tài sản của các bên thực hiện đúng quy định của pháp luật tại thời điểm ký kết hợp đồng theo các điều 323, 342, 343 của Bộ luật dân sự năm 2005, Luật các tổ chức tín dụng, Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ và Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm. Do đó, BIDV yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn không trả được nợ là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại khoản 1 Điều 9 Hợp đồng thế chấp tài sản số 194/2016/HĐTC ngày 18/5/2016 (vì thỏa thuận này phù hợp với quy định tại Điều 355 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 56 của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm) nên có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, do hiện nay không biết chiếc xe ô tô này đang ở đâu nên chỉ khi nào B phát hiện thấy, thì mới có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp.

[4] Đối với yêu cầu: Trường hợp số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ, thì bị đơn vẫn tiếp tục phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho B đến khi tất toán khoản vay. Xét yêu cầu này của B là phù hợp với quy định của pháp luật về xử lý tài sản thế chấp tại thời điểm ký kết hợp đồng (Điều 338 của Bộ luật Dân sự 2005) và thỏa thuận của các bên tại khoản 3 Điều 11 của Hợp đồng thế chấp tài sản số 194/2016/HĐTC ngày 18/5/2016 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Công ty T có trách nhiệm giao trả cho chị Phạm Thị N xe ô tô Toyota - Biển số: 15A-248.22 do Hợp đồng thuê xe giữa chị Phạm Thị N và Công ty T là vô hiệu; trường hợp không thể hoàn trả được bằng hiện vật thì trị giá thành tiền (700.000.000 đồng) để hoàn trả. Hội đồng xét xử thấy, tại phiên tòa nguyên đơn mới bổ sung yêu cầu khởi kiện này, vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Nguyên đơn có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[6] Quá trình giải quyết vụ án, các đương có nêu hiện tài sản thế chấp nói trên bị đơn đã cho Công ty T thuê để khai thác và hiện không tìm thấy chiếc xe này. Hội đồng xét xử thấy, việc bị đơn tự ý cho Công ty T thuê chiếc xe trên khi chưa được sự đồng ý của B là vi phạm điểm g khoản 2 Điều 7 của Hợp đồng thế chấp tài sản số 194/2016/HĐTC ngày 18/5/2016, lỗi hoàn toàn thuộc về bị đơn nên bị đơn phải chịu trách nhiệm về việc này. Theo thỏa thuận của các bên tại điểm i khoản 2 Điều 7 của Hợp đồng thế chấp tài sản số 194/2016/HĐTC ngày 18/5/2016: Trường hợp Bên thế chấp làm mất, làm hỏng hoặc làm mất giá trị tài sản thế chấp thì phải bổ sung, thay thế tài sản khác hoặc biện pháp bảo đảm khác. Vì vậy, B có quyền yêu cầu ông Trần Ngọc C và bà Phạm Thị N thực hiện nghĩa vụ này.

[7] Theo Hợp đồng kinh tế về việc cho thuê ô tô tự lái đề ngày 05/12/2018 do người đại diện hợp pháp của Công ty T giao nộp, thể hiện Công ty T đã cho Lưu Đình N1, đăng ký hộ khẩu thường trú ở tổ V 1, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng thuê chiếc xe nói trên. Tuy nhiên, anh N1 hiện vắng mặt tại địa phương nên Tòa án không lấy được lời khai của anh N1. Mặt khác, trong vụ án này các bên không ai có yêu cầu gì với anh N1. Vì thế chưa có đủ căn cứ để xác định xem anh N1 có phải là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án này không. Nếu sau này các bên có yêu cầu sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ án khác.

[8] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 24.868.264 đồng (đã được làm tròn). Trả lại nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.900.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 275, 280, 292, 293, 295, 299, 307 và điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 16 Điều 4, Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; các điều 4, 10 và 56 của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

1. Buộc ông Trần Ngọc C và bà Phạm Thị N phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền nợ gốc: 356.430.000 đồng; lãi trong hạn: 121.644.126 đồng; lãi trên nợ gốc quá hạn: 24.001.139 đồng; phạt chậm trả lãi: 19.631.330 đồng; tổng cộng là 521.706.595 đồng (Năm trăm hai mươi mốt triệu, bảy trăm linh sáu nghìn, năm trăm chín mươi lăm đồng), theo Hợp đồng tín dụng số 193/2016/HĐTD ngày 09/05/2016 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ - Chi nhánh Hải Phòng với ông Trần Ngọc C và bà Phạm Thị N.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 15/9/2022), cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 193/2016/HĐTD ngày 09/05/2016.

2. Trường hợp ông Trần Ngọc C và bà Phạm Thị N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, khi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ phát hiện thấy tài sản thế chấp là: Xe ôtô Toyota Corolla màu đen, 05 chỗ lắp ráp tại Việt Nam năm 2016, Biển số: 15A-248.22 theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 031174 ngày 11/05/2016 - Chủ sở hữu: Phạm Thị N, thì có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Trường hợp Bên thế chấp - ông Trần Ngọc C và bà Phạm Thị N làm mất, hỏng hoặc mất giá trị tài sản thế chấp, BIDV có quyền yêu cầu họ bổ sung, thay thế tài sản khác hoặc biện pháp bảo đảm khác (Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 194/2016/HĐTC ngày 18/5/2016 giữa ông Trần Ngọc C và bà Phạm Thị N với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ).

3. Trường hợp số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ, thì ông Trần Ngọc C và bà Phạm Thị N vẫn tiếp tục phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ đến khi tất toán khoản vay.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Ngọc C và bà Phạm Thị N phải nộp 24.868.264 đồng (hai mươi bốn triệu, tám trăm sáu mươi tám nghìn, hai trăm sáu mươi tư đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ 8.900.000 đồng (tám triệu, chín trăm nghìn đồng), là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003593 ngày 01 tháng 12 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Kiến An;
- Chi cục THADS quận Kiến An;
- TANDTP Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bình